

HƯỚNG DẪN

**Thực hiện Quyết định số 03/2012/QĐ-UBND
ngày 09/3/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc
ban hành Quy định các chính sách phát triển nguồn nhân lực
trong hệ thống chính trị tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2012-2015**

Căn cứ Quyết định số 03/2012/QĐ-UBND ngày 09/3/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Quy định các chính sách phát triển nguồn nhân lực trong hệ thống chính trị tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2012-2015 (gọi tắt là Quyết định số 03/2012/QĐ-UBND);

Liên ngành Sở Nội vụ - Sở Tài chính hướng dẫn thực hiện một số nội dung theo Quyết định số 03/2012/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông như sau:

I. Chính sách hỗ trợ đào tạo trong nước:

1. Đối tượng áp dụng:

Đối tượng theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5, Điều 1, Quy định các chính sách phát triển nguồn nhân lực trong hệ thống chính trị tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2012-2015 (ban hành kèm theo Quyết định số 03/2012/QĐ-UBND), khi được cơ quan có thẩm quyền cử đi đào tạo (theo phân cấp) thì đối tượng trên phải trong diện quy hoạch đào tạo của cơ quan, đơn vị, đồng thời chuyên ngành đào tạo phải phù hợp với vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh công tác.

2. Chính sách hỗ trợ:

Thời hạn áp dụng chính sách hỗ trợ đào tạo:

Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo đúng đối tượng, thẩm quyền theo quy định tại Điều 2, Điều 4, Quyết định số 29/2008/QĐ-UBND ngày 11/9/2008 về việc ban hành Quy định chính sách hỗ trợ đào tạo, thu hút và phát triển nguồn nhân lực tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2008-2011:

- Nếu thời gian khoá đào tạo kéo dài qua năm 2012 thì cán bộ công chức, viên chức được hưởng chế độ hỗ trợ theo Quyết định số 29/2008/QĐ-UBND cho đến thời điểm Quyết định số 03/2012/QĐ-UBND có hiệu lực.

- Nếu đến thời điểm Quyết định số 03/2012/QĐ-UBND có hiệu lực mà khoá đào tạo vẫn tiếp tục kéo dài ở các tháng (hoặc năm) tiếp theo thì cán bộ công chức, viên chức được hưởng chế độ hỗ trợ theo Quyết định số 03/2012/QĐ-UBND.

Đối tượng quy định tại Điều 1, Quy định các chính sách phát triển nguồn nhân lực trong hệ thống chính trị tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2012-2015 được cử đi đào tạo kể từ ngày quyết định 03/2012/QĐ-UBND có hiệu lực thì được hưởng chế độ hỗ trợ đào tạo theo Quyết định số 03/2012/QĐ-UBND.

II. Chính sách hỗ trợ khi nghỉ việc, thôi việc:

1. Đối tượng áp dụng:

1.1. Cán bộ chuyên trách giữ chức vụ bầu cử theo nhiệm kỳ ở xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cán bộ cấp xã); bao gồm:

- a. Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy (hoặc Chi bộ, nơi chưa thành lập Đảng bộ);
- b. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân;
- c. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân;
- d. Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc;
- đ. Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;
- e. Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ;
- g. Chủ tịch Hội Nông dân;
- h. Chủ tịch Hội Cựu chiến binh.

1.2. Công chức được tuyển dụng hoặc được bố trí điều động giữ chức danh chuyên môn ở xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là công chức cấp xã); bao gồm:

- a. Trưởng Công an xã (không thuộc Công an chính quy);
- b. Chỉ huy trưởng Quân sự;
- c. Văn phòng – Thống kê;
- d. Địa chính – Xây dựng – Đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Địa chính – Nông nghiệp – Xây dựng và môi trường (đối với xã);
- đ. Tài chính – Kế toán;
- e. Tư pháp – Hộ tịch;
- g. Văn hóa – Xã hội.

2. Các điều kiện để xem xét cho nghỉ việc, thôi việc:

Thực hiện theo Khoản 3, Điều 19, Quy định các chính sách phát triển nguồn nhân lực trong hệ thống chính trị tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2012-2015.

3. Chính sách hỗ trợ nghỉ việc, thôi việc:

a. Đối với cán bộ, công chức cấp xã khi nghỉ việc:

Cán bộ, công chức cấp xã khi nghỉ việc, nam từ đủ 55 tuổi, nữ từ đủ 50 tuổi trở lên, có ít nhất 15 năm đóng bảo hiểm xã hội, chưa nhận trợ cấp một lần về bảo hiểm xã hội và tính đến thời điểm đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định (nam đủ 60 tuổi, nữ đủ 55 tuổi) có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên, khi nghỉ việc được hưởng 50% lương hiện hưởng và được hưởng các chế độ bảo hiểm xã

hội, bảo hiểm y tế theo quy định như người đang công tác (sau khi đã trích nộp các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế) cho đến đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định của Nhà nước; đồng thời được hỗ trợ một lần: Mỗi năm nghỉ việc bằng một tháng lương hiện hưởng (lương và phụ cấp nếu có) theo quy định tại Khoản 1, Điều 20, Quy định các chính sách phát triển nguồn nhân lực trong hệ thống chính trị tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2012-2015.

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A (nam)

- Sinh ngày 10/6/1956

- Thời gian tham gia công tác và đóng bảo hiểm xã hội đến tính đến ngày 31/6/2012 là 21 năm liên tục; chưa nhận trợ cấp một lần về bảo hiểm xã hội.

- Thời điểm nghỉ việc vào 31/6/2012.

TT	Đến tháng, năm	Hệ số lương	Mức phụ cấp			Mức lương tối thiểu chung (đồng)	Mức lương hiện hưởng (đồng)
			PC chức vụ	PC thâm niên vượt khung	Mức chênh lệch bảo lưu lương (nếu có)		
1	Ông: Nguyễn Văn A						
	31/6/2012	2,34	0,25			1.050.000	2.719.500
	Tổng						2.719.500

Như vậy ông Nguyễn Văn A tính đến thời điểm nghỉ việc là 56 tuổi (còn 4 năm cho đến đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định của Nhà nước); khi nghỉ việc hàng tháng được hưởng 1.359.750^d/tháng (50% lương hiện hưởng) cho đến tháng 6/2016 (đủ 60 tuổi) để làm thủ tục nghỉ hưu; đồng thời được hỗ trợ một lần mỗi năm nghỉ việc bằng một tháng lương hiện hưởng (lương và phụ cấp nếu có), mức hỗ trợ tính như sau:

Mức hỗ trợ (từ ngày 01/7/2012 đến tháng 6/2016) = 4 x 2.719.500^d = 10.878.000^d

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B (nữ)

- Sinh ngày 20/01/1960

- Thời gian tham gia công tác và đóng bảo hiểm xã hội đến tính đến ngày 31/01/2013 là 17 năm liên tục; chưa nhận trợ cấp một lần về bảo hiểm xã hội.

- Thời điểm nghỉ việc vào 31/01/2013.

Như vậy, xét các điều kiện để cho nghỉ việc:

- Bà Lê Thị B có 53 tuổi (đủ tuổi để nghỉ việc): Đủ điều kiện;

- Thời gian đóng bảo hiểm xã hội là 17 năm và chưa nhận trợ cấp một lần về bảo hiểm xã hội: Đủ điều kiện;

- Thời gian đóng bảo hiểm xã hội để chờ (đến tháng 01/2015) đến khi đủ tuổi nghỉ hưu (55 tuổi) của bà B là 19 năm: Không đủ điều kiện.

Vì vậy, bà Lê Thị B không đủ điều kiện để nghỉ việc mà chỉ đủ điều kiện để thôi việc.

b. Đối với cán bộ, công chức cấp xã thôi việc:

Nam từ đủ 50 tuổi, nữ từ đủ 45 tuổi trở lên chưa đủ điều kiện nghỉ hưu; không thuộc đối tượng nêu tại điểm a nói trên (đối với cán bộ, công chức cấp xã khi nghỉ việc) được giải quyết thôi việc, hưởng chế độ một lần.

Ngoài việc được hưởng chính sách theo quy định chung hiện hành của Nhà nước còn được hỗ trợ một lần tương ứng mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bằng 01 tháng lương hiện hưởng (lương và phụ cấp nếu có) theo quy định tại Khoản 2, Điều 20, Quy định các chính sách phát triển nguồn nhân lực trong hệ thống chính trị tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2012-2015.

3. Thời gian quy đổi để tính chế độ chính sách:

- Dưới 03 tháng thì không tính;
- Từ đủ 03 tháng đến đủ 06 tháng thì được tính bằng $\frac{1}{2}$ (một phần hai) năm làm việc;
- Từ trên 06 tháng đến 12 tháng thì được tính bằng 01 năm làm việc.

4. Hồ sơ đề nghị thẩm định giải quyết chế độ cho thôi việc, nghỉ việc:

Ủy ban nhân dân cấp huyện lập danh sách, kèm theo hồ sơ những người được hưởng chế độ, chính sách cho thôi việc, nghỉ việc đối với cán bộ, công chức cấp xã theo quy định tại Quyết định số 03/2012/QĐ-UBND gửi Sở Nội vụ thẩm định.

Hồ sơ đề nghị thẩm định bao gồm:

- Văn bản đề nghị của UBND cấp huyện: Nêu rõ lý do, điều kiện để cho nghỉ việc, thôi việc theo quy định tại Khoản 3, Điều 19, Quy định các chính sách phát triển nguồn nhân lực trong hệ thống chính trị tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2012-2015 (ban hành kèm theo Quyết định số 03/2012/QĐ-UBND);

- Lập danh sách (theo mẫu số 01);
- Đơn tự nguyện xin giải quyết chế độ nghỉ việc, thôi việc của cán bộ, công chức;
- Quyết định cho nghỉ việc, thôi việc, miễn nhiệm của cơ quan có thẩm quyền;
- Các bản sao có công chứng: Sổ bảo hiểm xã hội, quyết định bổ nhiệm hoặc tuyển dụng, quyết định chuyển xếp lương gần nhất, bảng lương thể hiện mức lương hiện hưởng và các giấy tờ khác có liên quan;
- Hồ sơ đóng thành quyển (mỗi người 02 bộ).

III. Chính sách thu hút:

1. Đối tượng áp dụng: Sinh viên tốt nghiệp đại học hệ chính quy các chuyên ngành đào tạo phù hợp với chức danh được giao, được bầu cử vào chức danh cán bộ cấp xã hoặc được tuyển dụng chính thức vào công chức cấp xã.

2. Việc xét nâng lương trước thời hạn theo quy định tại điểm b, Khoản 1, Điều 23, được thực hiện như sau:

- Số cán bộ, công chức được xét nâng bậc lương trước thời hạn phải nằm trong tỷ lệ 5% tổng số cán bộ, công chức trong biên chế trả lương của cơ quan, đơn vị.

- Về thành tích để được xét nâng bậc lương trước thời hạn do thủ trưởng cơ quan trực tiếp quản lý cán bộ, công chức phối hợp với Cấp ủy và Ban Chấp hành Công đoàn cùng cấp xem xét quyết định.

- Hồ sơ đề nghị nâng bậc lương trước thời hạn:

+ Văn bản đề nghị nâng bậc lương trước thời hạn của cơ quan, đơn vị;

+ Danh sách đề nghị nâng bậc lương trước thời hạn (theo mẫu số 02);

+ Biên bản họp xét duyệt của Thủ trưởng cơ quan, cấp ủy và công đoàn cùng cấp;

+ Bản sao Quyết định lương hiện hưởng;

+ Bản sao các quyết định khen thưởng: Bằng khen, Giấy khen, ...

3. Hồ sơ đề nghị thẩm định các đối tượng hưởng chính sách thu hút gồm:

- Văn bản đề nghị: Nêu số lượng cán bộ, công chức được giao, biên chế đã sử dụng; nêu số lượng, chức danh, ngành đào tạo, đơn vị công tác của các đối tượng thu hút; dự toán kinh phí đối với từng đối tượng;

- Quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm của cơ quan có thẩm quyền;

- Sơ yếu lý lịch cán bộ, công chức (theo mẫu 2C-BNV/2008);

- Bản sao giấy khai sinh; giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp;

- Bản sao có công chứng: Các văn bằng, chứng chỉ, bảng điểm kết quả học tập và các giấy tờ khác có liên quan;

- Hồ sơ đóng thành quyển (mỗi người 02 bộ).

IV. Nguồn kinh phí chi trả:

Việc sử dụng nguồn kinh phí chi trả cho các đối tượng cử đi học tại Điều 1, Quy định các chính sách phát triển nguồn nhân lực trong hệ thống chính trị tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2012-2015 (ban hành kèm theo Quyết định số 03/2012/QĐ-UBND) được thực hiện như sau:

1. Cán bộ, công chức, viên chức thuộc các cơ quan trung ương đóng trên địa bàn tỉnh được cấp có thẩm quyền của tỉnh cử đi học các lớp cao cấp lý luận chính trị, an ninh quốc phòng; thủ trưởng cơ quan cử đi học theo thẩm quyền hoặc tham gia các lớp đào tạo do ngành tổ chức thì sử dụng nguồn kinh phí đào tạo trong dự toán của ngành, cơ quan, đơn vị.

Tùy theo khả năng ngân sách, thủ trưởng cơ quan quản lý cán bộ, công chức, viên chức đi học quyết định việc hỗ trợ theo mức quy định tại Quyết định số 03/2012/QĐ-UBND.

2. Cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan trung ương đóng trên địa bàn tỉnh thuộc đối tượng quy định tại Khoản 4, Điều 1, Quy định các chính sách phát triển nguồn nhân lực trong hệ thống chính trị tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2012-2015 (ban hành kèm theo Quyết định số 03/2012/QĐ-UBND) được cấp có

thẩm quyền cử đi đào tạo thì ngân sách tỉnh hỗ trợ phần chế độ chính sách ngoài quy định của trung ương và phần chênh lệch các chế độ giữa Quyết định số 03/2012/QĐ-UBND với các quy định của trung ương hoặc của ngành quy định.

3. Cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Nội vụ (theo phân cấp) quyết định cử đi học do ngân sách tỉnh chi trả.

4. Cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền của Thủ trưởng các sở, ban, ngành quyết định cử đi đào tạo thì sử dụng kinh phí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của cơ quan, đơn vị. Thủ trưởng đơn vị quyết định việc hỗ trợ kinh phí trên cơ sở Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị (trừ trường hợp các lớp đào tạo, bồi dưỡng theo chương trình, kế hoạch đào tạo sử dụng từ nguồn ngân sách tỉnh hoặc nguồn tài trợ khác).

5. Đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền của UBND, Chủ tịch UBND huyện, thị xã quyết định cử đi học do ngân sách huyện, thị xã chi trả.

6. Các huyện, thị xã căn cứ vào kế hoạch đào tạo và đối tượng quy định tại Điều 1, Quy định các chính sách phát triển nguồn nhân lực trong hệ thống chính trị tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2012-2015 (ban hành kèm theo Quyết định số 03/2012/QĐ-UBND) và Khoản 3 mục này lập dự toán nhu cầu kinh phí cùng với dự toán ngân sách hàng năm báo cáo Sở Tài chính để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền quyết định.

7. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị đang quản lý cán bộ, công chức, viên chức căn cứ chế độ, chính sách quy định hiện hành, kế hoạch và tình hình thực tế của cán bộ, công chức, viên chức đơn vị mình về đào tạo, điều động, luân chuyển, nghỉ việc, thôi việc có trách nhiệm thực hiện việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán theo quy định hiện hành (trừ trường hợp đối với các khóa đào tạo do Ban Tổ chức Tỉnh ủy trực tiếp tổ chức lớp học và ký hợp đồng với cơ sở đào tạo; Ban Tổ chức Tỉnh ủy ký hợp đồng đào tạo với cơ sở đào tạo đối với từng trường hợp cụ thể; các lớp học sử dụng từ nguồn ngân sách tỉnh hoặc tài trợ được ghi cụ thể trong thông báo hoặc quyết định cử đi học của cấp có thẩm quyền).

8. Đối với cán bộ, công chức, viên chức đủ điều kiện quy định tại Điều 1 và Điều 13, Quy định các chính sách phát triển nguồn nhân lực trong hệ thống chính trị tỉnh tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2012-2015 (ban hành kèm theo Quyết định số 03/2012/QĐ-UBND) thì thủ trưởng các cơ quan, đơn vị tiếp nhận và quản lý cán bộ, công chức, viên chức luân chuyển, điều động đến công tác, căn cứ các chế độ, chính sách quy định tại Quyết định số 03/2012/QĐ-UBND lập dự toán nhu cầu kinh phí gửi cơ quan tài chính để bố trí kinh phí và thực hiện việc chi trả.

V. Tổ chức thực hiện:

1. Cuối tháng 8 hàng năm, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã có trách nhiệm xây dựng Đề án quy hoạch, kế hoạch đào tạo, luân chuyển, điều động, nghỉ việc, thôi việc, thu hút cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn gửi về Sở Nội vụ và Sở Tài chính đề theo dõi, tổng hợp.

Nội dung của Đề án bao gồm:

a. Tình hình chung: Tô chức rà soát; đánh giá thực trạng đội ngũ cán bộ, công chức trên địa bàn; số lượng cán bộ, công chức (so với chỉ tiêu); về chất lượng cán bộ, công chức (so với tiêu chuẩn theo quy định) .v.v...

b. Xác định nhu cầu, đối tượng thực hiện các chính sách:

- Đào tạo: Số lượng, chức danh cần đào tạo, chuyên ngành đào tạo, hình thức đào tạo, thời gian đào tạo và kinh phí đào tạo

- Điều động, luân chuyển: Số lượng cán bộ, công chức cần luân chuyển, điều động; các chức danh cần luân chuyển, điều động; kinh phí hỗ trợ.

- Nghi việc, thôi việc: Số lượng cán bộ, công chức nghi việc, thôi việc; kinh phí thực hiện.

- Thu hút: Số lượng, chức danh, ngành đào tạo, kinh phí thực hiện.

c. Kết luận, kiến nghị:

2. Chế độ thông tin, báo cáo:

Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã xây dựng báo cáo đánh giá kết quả thực hiện các chính sách hàng năm trên địa bàn gửi về Sở Nội vụ trước ngày 30/10 trong năm để tổng hợp báo cáo theo quy định.

Trên đây là Hướng dẫn liên ngành của Sở Nội vụ - Sở Tài chính gửi UBND các huyện, thị xã để phối hợp triển khai thực hiện./.

GIÁM ĐỐC SỞ NỘI VỤ



GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH



Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (Báo cáo);
- Sở Tài Chính (Phối hợp);
- UBND các huyện, thị xã;
- Phòng Nội vụ các huyện, thị xã;
- Phòng tài chính – Kế hoạch các huyện;
- Các sở ban ngành;
- Các cơ quan Trung Ương;
- Các cơ quan Đảng;
- Lưu VT, XDCQ

TỔNG HỢP DANH SÁCH CÁN BỘ CẤP XÃ HƯỞNG CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH KHI NGHỈ VIỆC, THÔI VIỆC
(Ban hành kèm theo Tờ trình số/TTr-UBND ngày/...../20..... của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã.....)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Thời gian giữ chức vụ, chức danh		Thời gian tham gia đóng BHXH	Số năm đến tuổi nghỉ hưu theo quy định (năm)	Mức lương, phụ cấp				50% lương hiện hưởng (đ) cho đến đủ tuổi nghỉ hưu	Mức hỗ trợ kinh phí (đ)	Ghi chú
				Từ tháng, năm	Đến tháng, năm			Hệ số lương	Bậc lương	Mức lương tối thiểu chung (đ)	Mức lương hiện hưởng (đ)			
1														
2														
3														
4														
5														
Tổng														

Cơ quan, đơn vị.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**TỔNG HỢP DANH SÁCH KẾT QUẢ ĐỀ NGHỊ NÂNG BẬC LƯƠNG TRƯỚC THỜI HẠN CHO CÁN BỘ, CÔNG CHỨC**
(Ban hành kèm theo Công văn số:)

STT	Họ và tên	Sinh năm	Chức vụ, đơn vị công tác	Thời gian giữ chức vụ, chức danh				Kết quả nâng lương				Ghi chú
				Mã số ngạch	Bậc	Hệ số	Ngày, tháng, năm được hưởng	Mã số ngạch	Bậc	Hệ số	Ngày, tháng, năm được hưởng	
1												
2												
3												